

Bản án số: 76/2024/DS-ST

Ngày: 19/6/2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Triệu

2. Ông Đỗ Văn Chúc

- Thư ký phiên tòa: Châu Thị Phượng Liên, Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Nguyễn Hoàng Phúc Đức – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 414/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐXXST-DS ngày 6 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị H, sinh năm 1995 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Cây Dương, xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

2. *Bị đơn:* Lê Thị S, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Nhà Dừa, xã Thanh Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tự khai của chị Nguyễn Thị H như sau:

Chị H và bà S có mối quan hệ bà con. Chị H làm nghề giao dịch chuyển tiền nên vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 28/2/2023 bà S đến gặp chị H nhờ chuyển tiền cho người quen của bà, bà hứa trong ngày con bà đi làm về bà lấy tiền trả cho chị H. Chị H đồng ý chuyển lần 1: 12.000.000 đồng; Lần 2 chuyển 24.000.000 đồng. Tổng cộng 36.000.000 đồng. Sau khi chuyển xong bà S không giữ lời hứa mà hẹn hoài không trả. Đến ngày 20/8/2023 bà S viết giấy nhận nợ cho chị H và trả dần được 13.000.000 đồng. Còn lại 23.000.000 đồng không trả nữa nên chị H làm đơn khởi kiện yêu cầu bà S trả số tiền 23.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

Theo biên bản ghi lời khai bà Lê Thị S ngày 27/5/2024 như sau:

Bà S thừa nhận có nợ chị H số tiền 36.000.000 đồng. Sau này bà trả dần hiện còn nợ lại chị H 17.500.000 đồng. Nay chị H khởi kiện thì bà cũng đồng ý trả cho chị H.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị Nguyễn Thị H có lời tự khai: Trong thời gian chị khởi kiện thì bà S có gửi trả thêm cho chị 6.100.000 đồng. Hiện còn nợ lại 16.900.000 đồng. Chị yêu cầu bà S trả cho chị 16.900.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi.

Phía bà Lê Thị S Tòa án đã thông báo thụ lý, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã nhận định:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định. Những vấn đề khác Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân S theo quy định của Bộ luật tố tụng dân S. Đối với đương S từ khi thụ lý cho đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân S. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân S.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chị H. Buộc bà S phải trả cho chị H số tiền 16.900.000 đồng. Về án phí các đương S chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương S “Tranh chấp hợp đồng vay”. Bị đơn có nơi cư trú thuộc huyện Châu Thành nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án chị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bà S đã được Tòa triệu tập xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân S đủ căn cứ để xét xử vắng mặt đương S.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Hội đồng xét xử án xét thấy:

[1] Ngày 28/2/2023 bà S đến gặp chị H nhờ chuyển tiền cho người quen, bà S hứa trong ngày con bà đi làm về bà lấy tiền trả cho chị H nên chị H đồng ý chuyển số tiền 36.000.000 đồng. Sau khi chuyển bà S không trả đến ngày 20/8/2023 bà S viết giấy nhận nợ cho chị H nên hợp đồng vay nợ giữa chị H và bà S là có thật.

Sau khi viết giấy nợ thì bà S trả dần còn nợ lại chị H số tiền 16.900.000 đồng thì không có trả tiếp nữa là đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị H nên chị H khởi kiện yêu cầu bà S trả số tiền 16.900.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về lãi suất: Chị H không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Buộc bà S phải chịu nhưng do bà S là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị H vì yêu cầu được chấp nhận.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân nhân huyện Châu Thành là có căn cứ cũng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân S; Áp dụng Điều 463; 466; 467; 468 Bộ luật Dân S năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Buộc bà Lê Thị S có trách nhiệm trả cho chị H số tiền 16.900.000 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân S, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án dân S còn phải trả lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân S năm 2015.

Về án phí dân S sơ thẩm: Miễn án phí cho bà Lê Thị S vì bà là người cao tuổi nên không nộp tạm ứng án phí, án phí theo điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho chị H nộp tại Chi cục Thi hành án dân S huyện Châu Thành ngày 04/3/2024, biên lai số 0002627, số tiền 575.000 đồng.

Án xử công khai, vắng mặt nguyên đơn- bị đơn. Các đương S quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân S, thì người được thi hành án dân S, người phải thi hành án dân S có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân S; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân S”.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương S;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thu Hằng